

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2023/DS-PT

Ngày 31 - 5 - 2023.

Về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thế Phương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Quang

Ông Trần Phương Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Đức Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2022/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 123/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phúc thẩm số: 252/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa dân sự phúc thẩm số: 366/2023/TB-TA ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc Nh, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 180, tổ 8, khu phố K1, phường P, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 05/9/2022):

Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm 5, xã S, huyện L, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hiện nay: Chung cư W đường D9, khu phố 6, phường N, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Bắc H, sinh năm 1990.

Ông Lê Hữu Kh, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Tổ 8, khu phố K1, phường P, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H, ông Kh (Văn bản uỷ quyền ngày 13/3/2021): Bà Hà M, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn 6, xã X, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên hệ: Số 2x đường số 5, khu đô thị V, phường C, thành phố D, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên toà bà Huỳnh Thị Ngọc Nh trình bày:

Do mối quan hệ quen biết, vợ chồng bà H, ông Kh đã nhiều lần mượn tiền của bà, cụ thể như sau:

Tháng 4/2019 bà H nhờ bà mượn giùm số tiền là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng). Ngày 22/5/2019, vợ chồng bà H lại tiếp tục nhờ bà mượn giùm số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Ngày 4/6/2019 bà H viết giấy mượn tiền với nội dung nhờ bà Nh mượn giùm số tiền 230.000.000 đồng và hứa đến tháng 4/2020 sẽ hoàn trả đủ cho bà. Thực chất số tiền 230.000.000 đồng là tổng số tiền mượn tháng 4/2019 và ngày 22/5/2019. Sau đó bà H tiếp tục nhờ bà Nh mượn giùm cho nhiều lần nữa nhưng không trả được nên ngày 01/11/2019, bà H viết giấy thoả thuận thừa nhận có nhờ bà Nh mượn dùm số tiền là 320.000.000đ (Ba trăm hai mươi triệu đồng), mỗi tuần trả 5.000.000 đồng, một tháng là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) đến khi hết nợ. Trong tất cả các giấy mượn tiền đều do bà H viết và ký ghi rõ họ tên. Bà H vay tiền thì ông Kh đều biết và rất nhiều lần ông Kh đến nhà bà lấy tiền. Mục đích vợ chồng bà H, ông Kh vay tiền là để xây nhà. Khi vay hai bên không thoả thuận lãi suất. Trong quá trình vay bà H, ông Kh chưa thanh toán cho bà Nh được khoản nợ gốc và lãi nào. Nay bà Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc vợ chồng bà H, ông Kh hoàn trả số tiền nợ gốc là 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng) và lãi suất nợ quá hạn theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam là 0,6%/ tháng (tạm tính từ ngày 01/11/2019 đến ngày 01/5/2022) cụ thể: 320.000.000 đồng x 0,6%/tháng x 30 tháng = 57.600.000 đồng (Năm mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng). Tổng cộng gốc và lãi buộc bà H, ông Kh phải trả lại cho bà Nh là 377.600.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng).

- *Đại diện uỷ quyền của bị đơn bà Hà M trình bày:* Bà xác định ông Kh, bà H không vay số tiền 320.000.000 đồng của bà Nh. Chữ ký, chữ viết trong các giấy

mượn tiền không phải của bà H nhưng bà không yêu cầu Toà án giám định chữ ký, chữ viết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2022/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H đã căn cứ các Điều 429, Điều 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 26, Điều 35 và Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có hiệu lực ngày 15/3/2019. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc Nh.

Buộc ông Lê Hữu Kh, bà Lê Thị Bắc H phải trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc Nh tổng số tiền là 377.600.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng). Trong đó, nợ gốc là 320.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 01/11/2019 đến 01/5/2022 là 57.600.000 đồng (Năm mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng).

2. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hết các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Kháng cáo:

Ngày 10/6/2022, bà Hà M là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị Bắc H, ông Lê Hữu Kh có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phần phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện việc thụ lý, phân công Thẩm phán làm chủ tọa giải quyết vụ án, đảm bảo quyền kháng cáo. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định. Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo đúng thành phần, vô tư, khách quan và không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng; đồng thời, thủ tục phiên tòa được thực hiện đầy đủ và đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

. Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên thể hiện trong bài phát biểu đã được nêu công khai tại phiên tòa. Tóm lại, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, bác yêu cầu kháng cáo của đại diện bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Hà M là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị Bắc H, ông Lê Hữu Kh làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn có mặt.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà H, ông Kh hoàn trả số tiền nợ gốc là 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng) và lãi suất nợ quá hạn theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam là 0,6%/ tháng (tạm tính từ ngày 01/11/2019 đến ngày 01/5/2022) cụ thể: $320.000.000 \text{ đồng} \times 0,6\%/\text{tháng} \times 30 \text{ tháng} = 57.600.000 \text{ đồng}$ (Năm mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng). Tổng cộng gốc và lãi buộc bà H, ông Kh phải trả lại cho bà Nh là 377.600.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng).

Bị đơn do bà Hà M đại diện, xác định ông Kh, bà H không vay số tiền 320.000.000 đồng của bà Nh. Chữ ký, chữ viết trong các giấy mượn tiền không phải của bà H nhưng bà không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký, chữ viết.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Bà Huỳnh Thị Ngọc Nh khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi trên căn cứ là Giấy mượn tiền đề tháng 04/2019, Giấy mượn tiền đề ngày 22/05/2019 và Giấy thỏa thuận đề ngày 01/11/2019 thể hiện nội dung bà Lê Thị Bắc H có vay của bà Nh tổng số tiền gốc là 320.000.000 đồng.

Tại cấp phúc thẩm, hai bên đương sự đều đồng ý trưng cầu giám định chữ ký viết trên Giấy mượn tiền đề ngày 04/2019 (Ký hiệu A1), Giấy mượn tiền đề ngày 22/05/2019 (Ký hiệu A2) và Giấy thỏa thuận đề ngày 01/11/2019 (Ký hiệu A3) để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại kết luận giám định số: 2129/KL-KTHS ngày 27/4/2023 của Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Công an đã kết luận về đối tượng giám định: Chữ ký, chữ viết họ tên “Lê Thị Bắc H” dưới chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ ký, chữ viết đúng tên Lê Thị Bắc H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là do một người ký và viết ra.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định bị đơn vay tiền của nguyên đơn là có thật.

Khoản vay nói trên, tuy trong các giấy vay tiền ông Kh không ký tên nhưng đây là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân, mục đích sử dụng khoản tiền vay phục vụ

cho gia đình, nên ông Kh phải có trách nhiệm cùng bà H trả số nợ vay là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về lãi suất: Mặc dù trong giấy nhận tiền và giấy cam kết trả nợ không ghi lãi suất nhưng nguyên đơn yêu cầu lãi suất là 0,6%/tháng. Yêu cầu này là phù hợp, không vượt quá quy định của pháp luật.

Từ những dẫn chứng nêu trên, cho thấy bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc Nh, buộc bà Lê Thị Bắc H và ông Lê Hữu Kh phải trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc Nh tổng số tiền là 377.600.000 đồng (Trong đó, nợ gốc là 320.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 01/11/2019 đến 01/5/2022 là 57.600.000 đồng) là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định, nguyên đơn đã nộp và xác định tự nguyện chịu, không yêu cầu xem xét.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí đại diện bị đơn đã nộp được tính trừ vào án phí

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

- Căn cứ vào Điều 429, 463, 465, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có hiệu lực ngày 15/3/2019.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc Nh.

Buộc ông Lê Hữu Kh, bà Lê Thị Bắc H phải trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc Nh tổng số tiền là 377.600.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc là 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng), nợ lãi tính từ ngày 01/11/2019 đến 01/5/2022 là 57.600.000 đồng (Năm mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng).

2. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hết các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng

còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Bị đơn bà Lê Thị Bắc H và ông Lê Hữu Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.880.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Hà M đã nộp (Theo biên lai thu số 0003386 ngày 22/6/2022 của Chi cục THADS TP.H) được tính trừ vào án phí phúc thẩm, như vậy bà H và ông Kh đã nộp xong án phí phúc thẩm

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc Nh số tiền 8.720.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000118 ngày 03/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP.H;
- Tòa án nhân dân TP.H;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Vũ Thế Phương